TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/DS-ST
Ngày 09-3-2020
V/v tranh chấp hợp đồng hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc.

Ông Bùi Xuân Minh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Văn Bổng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST – DS ngày 24 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1945 (có mặt).

- *Bị đơn:*

+ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1968 (vắng mặt).

+ Bà Quách Hồng L, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp TC, xã KL, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* Bà mở hụi làm chủ đầu thảo và vợ chồng ông D và bà L tham gia các dây hụi sau:

Hụi 5.000.000 đồng khui ngày 30/01/2012âl gồm 12 chân, 06 tháng khui 01 lần, bà L và ông D chơi 02 chân đã hốt, hụi đã mãn và còn nợ lại 01 lần chưa đóng hụi chết bằng 10.000.000 đồng. Sau đó có trả 2.000.000 đồng và còn nợ lại 8.000.000 đồng.

Hụi 5.000.000 đồng khui ngày 30/01/2012âl gồm 13 chân, 06 tháng khui 01 lần, bà L và ông D chơi 02 chân đã hốt, hụi đã mãn và còn nợ lại 04 lần chưa đóng hụi chết bằng 40.000.000 đồng.

Hụi 2.000.000 đồng khui ngày 22/4/2015 gồm 31 chân, 01 tháng khui 01 lần, bà L và ông D chơi 01 chân hốt kỳ thứ 2, hụi đã mãn và còn nợ lại 16 lần chưa đóng hụi chết bằng 32.000.000 đồng.

Hụi 1.000.000 đồng khui ngày 24/02/2015 gồm 24 chân, 01 tháng khui 01 lần, bà L và ông D chơi 02 chân đã hốt, hụi đã mãn và còn nợ lại 08 lần chưa đóng hụi chết bằng 16.000.000 đồng.

Hụi 1.000.000 đồng khui ngày 18/01/2015 gồm 23 chân, 01 tháng khui 01 lần, bà L và ông D chơi 01 chân đã hốt, hụi đã mãn và còn nợ lại 05 lần chưa đóng hụi chết bằng 5.000.000 đồng.

Thời gian sau đó có trả một phần và ngày 30/01/2018 hai bên chốt nợ thì bà L và ông D nợ bà 44.786.000 đồng, có lập biên bản và bà L, ông D hứa trả cho bà 5.000.000 đồng tiền lãi. Ngoài ra, ông D và bà L còn nợ bà 03 chân hụi mùa tổng 15.000.000 đồng, tổng công nợ 59.780.000 đồng nhưng có tính nhằm số tiền nợ thêm bà 13.000.000 đồng.

Tháng 8/2018 mãn hết các dây hụi thì vợ chồng bà L có lãnh 01 chân hụi được tổng số 48.000.000 đồng, đối trừ số nợ 59.780.000 đồng, còn lại 11.780.000 đồng và kiện ra Tòa án, lúc này không có chứng cứ chứng minh nên thỏa thuận ông D và bà L trả cho bà 11.780.000 đồng, số tiền còn lại bà rút yêu cầu khi có căn cứ sẽ kiện tiếp.

Nay bà thu thập được chứng cứ là biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Lộc bà L nhận thiếu bà số tiền 14.780.000 đồng (có 11.780.000đ đã giải quyết xong) và 5.000.000 đồng tiền lãi. Do đó, bà kiện đòi lại 5.000.000 đồng tiền lãi và 3.000.000 đồng tiền vốn.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 18/02/2020 bị đơn bà Quách Hồng L trình bày:* Trước đây, bà có chơi hụi do bà N làm chủ hụi 07 chân hụi tháng gồm dây hụi 1.000.000đ, 2.000.000đ, 03 dây hụi mùa loại 5.000.000 đồng, bà có đóng và có thiếu tiền hụi, đến ngày 30/01/2018 bà N xuống nói có 01 chân hụi mùa tháng 8 mãn thì hai bên cộng sổ, kết quả bà nợ bà N 44.786.000 đồng và có làm 01 biên nhận nợ cho bà N, lúc này thỏa thuận cho bà hốt 01 chân hụi trong tháng 2 lấy tiền trừ số nợ trên cho bà N thì bà trả cho bà N 5.000.000đồng tiền lãi, tiền đi đứng với điều kiện bà N không thưa kiện, bà N đồng ý. Nhưng tới tháng 2 khui hụi thì bà N không cho hốt nên bà không đóng các chân hụi mùa.

Đến ngày 30/8/2018 mãn hết các chân hụi, bà có hốt 01 chân được 50.000.000đ, trừ cò 2.000.000đ, còn lại 48.000.000đ trừ tiền nợ hụi chết của bà N tổng 59.780.000đ, bà còn nợ lại 11.780.000 đồng. Khoảng mười mấy ngày sau bà qua trả 12.000.000 đồng, còn 5.000.000đ tiền lãi để từ từ vợ chồng làm có trả sau, nhưng bà N không nhận. Số tiền 11.780.000 đồng đã được Tòa án giải quyết xong. Nay bà xác định không còn nợ tiền của bà N và không đồng ý trả 5.000.000đồng tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà L và ông D có đơn xin vắng mặt không tham gia phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông D là đúng quy định.

[2] Xét thấy, bà N và bà L trình bày phù hợp với nhau về tham gia giao dịch các dây hụi đúng như bà N trình bày. Tuy nhiên, sau khi kết thúc việc giao dịch hụi thì hai bên tính toán chưa phù hợp với nhau về số tiền nợ hụi. Cụ thể bà N và bà L cùng cho rằng ngày 30/01/2018 cộng sổ thì bà L nợ bà N 44.780.000 đồng và hứa trả cho bà N 5.000.000đ tiền lãi; còn lại 03 chân hụi mùa nợ bà N 15.000.000 đồng, tổng nợ 59.780.000 đồng; đến tháng 8/2018 hụi mãn, bà L hốt hụi được 48.000.000 đồng lấy trừ ngang qua số tiền 59.780.000 đồng, còn lại 11.780.000 đồng. Tuy nhiên, bà N cho rằng bà tính toán nhầm số tiền nợ thêm bà 13.000.000 đồng; bà L không thừa nhận nợ thêm.

[3] Tại quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 93/2019/QĐST-DS ngày 30/8/2019 bà L và ông D trả lại cho bà N 11.780.000 đồng. Căn cứ ban hành quyết định trên là theo nội dung biên bản hòa giải ngày 22/8/2019, tại biên bản hòa giải bà N trình bày đối với số tiền tính nhầm 13.000.000 đồng khi nào có căn cứ bà sẽ khởi kiện sau. Do đó, nay bà N cho rằng bị đơn còn nợ 3.000.000 đồng nên tiếp tục kiện đòi là được xem xét, giải quyết theo quy định.

[4] Xét thấy, việc hai bên có giao dịch nhiều dây hụi là thực tế xảy ra, quá trình đóng tiền hụi chết thì bị đơn nhiều lần vi phạm hợp đồng nên có làm biên bản chốt nợ đến ngày 30/01/2018 số tiền 44.780.000 đồng. Sau khi làm biên bản chốt nợ thì bị đơn còn tiếp tục nợ nguyên đơn nhiều lần đóng hụi chết cho đến khi mãn các dây hụi, trong đó có 03 chân hụi mùa nợ 15.000.000 đồng và 3.000.000 đồng tiền tính nhầm số nợ là phù hợp với chứng cứ bà N cung cấp tại biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã KL ngày 03/5/2019 có nội dung bà L nhận thiếu tiền hụi bà N 14.780.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền lãi. Trong số nợ 14.780.000 đồng đã được Tòa án giải quyết 11.780.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng nay bà N kiện đòi là có căn cứ được chấp nhận.

[5] Đối với 5.000.000 đồng tiền lãi thì thực tế quá trình giao dịch hụi bị đơn đã nhiều lần vi phạm hợp đồng, tính nợ đến ngày 30/01/2018 lên đến số tiền 44.780.000 đồng bà N phải thực hiện nghĩa vụ trả thay cho bị đơn. Số nợ trên bị đơn nợ nguyên đơn trong thời gian dài, làm ảnh hưởng quyền lợi của nguyên đơn nên nguyên đơn có quyền yêu cầu trả tiền lãi theo quy định pháp luật. Nếu tính từ ngày kết nợ đến ngày trả 48.000.000 đồng là 07 tháng thì tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là hơn 5.000.000 đồng. Hơn nữa, bà L thỏa thuận trả 5.000.000 đồng tiền lãi là tự nguyện, sự thỏa thuận này không trái quy định pháp luật. Nay bà N yêu cầu trả 5.000.000 đồng tiền lãi được chấp nhận là hoàn toàn có lợi cho bị đơn trong quá trình chậm thực hiện nghĩa vụ.

[6] Như vậy, tổng số tiền ông D và bà L phải có trách nhiệm trả cho bà N là 8.000.000 đồng.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm, ông D và bà L phải chịu theo quy định pháp luật số tiền là 400.000 đồng (8.000.000đ x 5%). Bà N được miễn án phí dự nộp nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N. Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Quách Hồng L phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

2. Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông D và bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn D và bà Quách Hồng L phải chịu 400.000 đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ vụ án.

T/M:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên